

THÔNG BÁO

THỜI KHÓA BIỂU DỰ KIẾN HỌC KỲ II NĂM HỌC 2015 - 2016 KHÓA 11

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ngành
							Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	
1	TCP221	2	Ăn mòn và bảo vệ kim loại(215)_L01	80	0	21/12-03/04/16									7,8,9	3A104			
2	ELP341	4	Báo điện tử(215)_L01	70	0	21/12-03/04/16							7,8,9	3A404					
															9,10	3A401			
3	ELP341	4	Báo điện tử(215)_L02	70	0	21/12-03/04/16			9,10,11	3A404									
															7,8	3A401			
4	PHY731	3	Các phương pháp phân tích phổ(215)_L01	50	0	21/12-03/04/16	10,11	3A401											
													10,11	3A102					
5	GEP231	2	Chính trị học đại cương(215)_L01	70	0	21/12-03/04/16			7,8,9	3A502									
6	GEP231	2	Chính trị học đại cương(215)_L02	70	0	21/12-03/04/16					9,10,11	3A502							
7	AGB231	3	CNSH trong nông nghiệp(215)_L01	90	0	21/12-03/04/16			1,2,3	3B202									
8	BEL321	2	Cơ sở cảnh quan học(215)_L01	50	0	21/12-03/04/16			10,11	3A402									
9	ENT221	3	Công nghệ môi trường(215)_L01	80	0	21/12-03/04/16					7,8,9	3A304							
10	ENT221	3	Công nghệ môi trường(215)_L02	80	0	21/12-03/04/16							7,8,9	3A304					
11	ENT221	3	Công nghệ môi trường(215)_L03	70	0	21/12-03/04/16			7,8,9	3A302									
12	ENT221	3	Công nghệ môi trường(215)_L04	70	0	21/12-03/04/16									7,8,9	3A302			

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ngành
							Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	
13	SKR331	3	Công nghệ SX dầu và khí(215)_L01	50	0	21/12-03/04/16			7,8	3A102									
													7,8	3A301					
14	CET331	3	Công nghệ tế bào(215)_L01	90	0	21/12-03/04/16							4,5	3B202					
															4,5	3B403			
15	HIW331	3	Công pháp quốc tế(215)_L01	110	0	21/12-03/04/16							1,2	3A503					
																	4,5	3A503	
16	HIW331	3	Công pháp quốc tế(215)_L02	110	0	21/12-03/04/16							3,4	3A503					
																	10,11	3A503	
17	SIG432	3	Công tác xã hội với nhóm(215)_L01	80	0	21/12-03/04/16	10,11	3A404											
											7,8	3A404							
18	SIG432	3	Công tác xã hội với nhóm(215)_L02	80	0	21/12-03/04/16	8,9	3A404											
											9,10	3A404							
19	TBS231	3	CS lý thuyết các phương pháp phổ(215)_L01	65	0	21/12-03/04/16			4,5	3A302									
											4,5	3A401							
20	TBS231	3	CS lý thuyết các phương pháp phổ(215)_L02	65	0	21/12-03/04/16							1,2	3A102					
																	1,2	3A301	
21	SPJ331	3	CT xóa đói giảm nghèo và giải quyết việc làm(215)_L01	80	0	21/12-03/04/16									10,11	3A304			
																	4,5	3A304	

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ngành
							Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	
22	SPJ331	3	CT xóa đói giảm nghèo và giải quyết việc làm(215)_L02	80	0	21/12-03/04/16			1,2	3B101									
											4,5	3B203							
23	SEM331	3	CTXH với dân tộc thiểu số(215)_L01	80	0														Chưa xếp lịch
24	SEM331	3	CTXH với dân tộc thiểu số(215)_L02	80	0														Chưa xếp lịch
25	GMC221	2	Đại cương hóa vật liệu(215)_L01	65	0	21/12-03/04/16					1,2,3	3A401							
26	GMC221	2	Đại cương hóa vật liệu(215)_L02	65	0	21/12-03/04/16			1,2,3	3A102									
27	ETV321	2	Dân tộc và các chính sách dân tộc ở Việt Nam(215)_L01	70	0	21/12-03/04/16					7,8,9	3A401							
28	EIA331	3	Đánh giá tác động môi trường(215)_L01	80	0	21/12-03/04/16			4,5	3A304									
															4,5	3A304			
29	EIA331	3	Đánh giá tác động môi trường(215)_L02	80	0	21/12-03/04/16					10,11	3A204							
													10,11	3A204					
30	SLB221	2	Đạo đức và pháp luật trong CNSH(215)_L01	70	0	21/12-03/04/16									7,8,9	3A204			
31	SLB221	2	Đạo đức và pháp luật trong CNSH(215)_L02	70	0	21/12-03/04/16	8,9,10	3A302											
32	SIT231	3	Địa lý du lịch(215)_L02	50	0	21/12-03/04/16			4,5	3A401									
													4,5	3A401					
33	SGV231	3	Địa lý KT - XH Việt Nam(215)_L01	50	0	21/12-03/04/16					4,5	3A101							
																	7,8	3A301	
34	SGW221	2	Địa lý KT-XH thế giới(215)_L01	50	0	21/12-03/04/16											9,10,11	3A301	

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ngành
							Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	
35	SKH321	2	Đồ án công nghệ hóa học(215)_L01	50	0														Chưa xếp lịch
36	SWM341	4	Dự án CTXH và quản trị ngành(215)_L01	80	0														Chưa xếp lịch
37	SWM341	4	Dự án CTXH và quản trị ngành(215)_L02	80	0														Chưa xếp lịch
38	KJH321	2	Du lịch cộng đồng(215)_L01	50	0	21/12-03/04/16			3,4,5	3A402									
39	FST331	3	Gia đình học(215)_L01	80	0	21/12-03/04/16					2,3	3B303							
													1,2	3B101					
40	FST331	3	Gia đình học(215)_L02	80	0	21/12-03/04/16							10,11	3A103					
															4,5	3A104			
41	NUA241	4	Giải tích số(215)_L01	50	0	21/12-03/04/16			10,11	3A301									
													7,8	3A302					
42	NUA241	4	Giải tích số(215)_L02	50	0	21/12-03/04/16			8,9	3A301									
													9,10	3A302					
43	DGA231	3	Hình vi phân(215)_L01	65	0	21/12-03/04/16	8,9	3A102											
											9,10	3A102							
44	HCM221	2	Hồ Chí Minh trong tiến trình LSĐT Việt Nam(215)_L01	70	0	21/12-03/04/16			1,2,3	3B302									
45	CHT321	2	Hóa công nghệ(215)_L01	50	0	21/12-03/04/16					7,8,9	3A302							
46	CHE451	2	Hóa kỹ thuật(215)_L01	80	0	21/12-03/04/16	8,9,10	3A301											
47	CPI221	2	Hóa phân tích môi trường(215)_L01	80	0														Chưa xếp lịch

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ngành
							Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	
48	IFL331	3	Khổ mẫu MARC21(215)_L01	50	0	21/12-03/04/16					7,8,9	3A402							
49	VIS341	4	Không gian văn hóa Việt Nam(215)_L01	50	0														Chưa xếp lịch
50	GET221	2	Kĩ thuật di truyền(215)_L01	70	0	21/12-03/04/16											7,8	3A401	
51	GET221	2	Kĩ thuật di truyền(215)_L02	70	0	21/12-03/04/16									10,11	3A101			
52	SAE332	3	Kịch bản và biên tập phát thanh(215)_L01	70	0	21/12-03/04/16					2,3	3B402							
																	4,5	3B402	
53	SAE332	3	Kịch bản và biên tập phát thanh(215)_L02	70	0	21/12-03/04/16			4,5	3B403									
											4,5	3B402							
54	SAE331	3	Kịch bản và biên tập truyền hình(215)_L01	70	0	21/12-03/04/16							3,4	3B402					
															4,5	3B402			
55	SAE331	3	Kịch bản và biên tập truyền hình(215)_L02	70	0	21/12-03/04/16	4,5	3B403											
									4,5	3B303									
56	ENE221	2	Kinh tế môi trường(215)_L01	80	0	21/12-03/04/16							7,8,9	3A204					
57	ENE221	2	Kinh tế môi trường(215)_L02	80	0	21/12-03/04/16					7,8,9	3A204							
58	OBJ321	3	Lập trình hướng đối tượng(215)_L01	50	0	21/12-03/04/16											3,4,5	3A101	
59	HIW233	5	Lịch sử thế giới hiện đại(215)_L01	70	0	21/12-03/04/16					1,2,3	3B302							
															7,8,9	3A304			
60	VIH321	2	Lịch sử tiếng Việt(215)_L01	50	0	21/12-03/04/16					1,2,3	3B201							

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ngành
							Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	
61	VIS332	3	Lịch sử tư tưởng phương Đông(215)_L01	50	0	21/12-03/04/16	10,11	3A403							10,11	3A402			
62	VHI233	5	Lịch sử Việt Nam hiện đại(215)_L01	70	0	21/12-03/04/16	2,3,4	3B201									1,2,3	3A401	
63	VIP221	3	Loại thẻ văn học(215)_L01	75	0	21/12-03/04/16					1,2	3B101					1,2	3B301	
64	GHI321	2	Luật hôn nhân và gia đình(215)_L01	110	0	21/12-03/04/16							7,8,9	3A503					
65	GHI321	2	Luật hôn nhân và gia đình(215)_L02	110	0	21/12-03/04/16					9,10,11	3A503							
66	SLD331	3	Luật lao động(215)_L01	110	0	21/12-03/04/16	2,3	3A503											
									10,11	3A503									
67	SLD331	3	Luật lao động(215)_L02	110	0	21/12-03/04/16	4,5	3A503							10,11	3A503			
68	PIB321	2	Luật ngân hàng(215)_L01	110	0	21/12-03/04/16											7,8,9	3A503	
69	PIB321	2	Luật ngân hàng(215)_L02	110	0	21/12-03/04/16											1,2,3	3A503	
70	GIF331	3	Luật tài chính(215)_L01	110	0	21/12-03/04/16	8,9	3A503							10,11	3A503			
71	GIF331	3	Luật tài chính(215)_L02	110	0	21/12-03/04/16	10,11	3A503											
											7,8	3A503							



STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV ĐK	Số SV ĐK	Thời gian	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ngành
							Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	
72	GKI321	2	Luật tố tụng hình sự(215)_L01	110	0	21/12-03/04/16									7,8,9	3A503			
73	GKI321	2	Luật tố tụng hình sự(215)_L02	110	0	21/12-03/04/16			7,8,9	3A503									
74	TGR331	3	Lý thuyết nhóm(215)_L01	65	0	21/12-03/04/16	10,11	3A102											
											7,8	3A102							
75	HFD331	3	Marketing du lịch(215)_L01	50	0														Chưa xếp lịch
76	IMM221	2	Miền dịch học(215)_L01	70	0	21/12-03/04/16									7,8,9	3A101			
77	IMM221	2	Miền dịch học(215)_L02	70	0	21/12-03/04/16											9,10,11	3A401	
78	ENM221	2	Mô hình hóa môi trường(215)_L01	80	0	21/12-03/04/16			7,8,9	3A304									
79	ENM221	2	Mô hình hóa môi trường(215)_L02	80	0	21/12-03/04/16											9,10,11	3A304	
80	OSS421	2	Nghiệp vụ thư kí văn phòng(215)_L01	70	0	21/12-03/04/16											7,8,9	3A502	
81	OSS421	2	Nghiệp vụ thư kí văn phòng(215)_L02	70	0	21/12-03/04/16									7,8,9	3A502			
82	WPG221	2	Nguyên lý hệ điều hành(215)_L01	50	0	21/12-03/04/16					7,8,9	3A301							
83	PRB221	2	Nguyên tắc phân loại sinh vật(215)_L01	70	0	21/12-03/04/16							1,2,3	3A101					
84	VVG231	2	Niên luận(215)_L01	75	0														Chưa xếp lịch
85	VVG231	2	Niên luận(215)_L02_Du lịch	50	0														Chưa xếp lịch
86	APN321	2	Phân tích thiết kế hệ thống thông tin(215)_L01	50	0	21/12-03/04/16									9,10,11	3A102			
87	LIW322	2	Pháp luật đại cương(215)_L01	80	0	21/12-03/04/16									7,8,9	3A402			
88	CWO321	3	Phát triển cộng đồng(215)_L01	80	0														Chưa xếp lịch

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ngành
							Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	
89	CWO321	3	Phát triển cộng đồng(215)_L02	80	0														Chưa xếp lịch
90	SUD321	2	Phát triển du lịch bền vững(215)_L01	50	0														Chưa xếp lịch
91	PNV321	2	Phong cách học tiếng Việt(215)_L01	70	0	21/12-03/04/16							9,10,11	3A401					
92	EAM331	3	Phương pháp phân tích môi trường(215)_L01	80	0	21/12-03/04/16	8,9	3A304											
									10,11	3A304									
93	EAM331	3	Phương pháp phân tích môi trường(215)_L02	80	0	21/12-03/04/16	10,11	3A304											
																	7,8	3A304	
94	PDE241	3	Phương trình đạo hàm riêng(215)_L01	50	0	21/12-03/04/16	2,3	3A402											
																		7,8	
95	PDE241	3	Phương trình đạo hàm riêng(215)_L02	50	0	21/12-03/04/16	4,5	3A402											
																		9,10	
96	PRM231	3	Quản lí dự án(215)_L01	70	0	21/12-03/04/16	2,3	3B203											
							10,11	3A502											
97	PRM231	3	Quản lí dự án(215)_L02	70	0	21/12-03/04/16	8,9	3A502											
																		10,11	
98	PBO221	2	Quản lí hành vi trong tổ chức(215)_L01	70	0														Chưa xếp lịch
99	PBO221	2	Quản lí hành vi trong tổ chức(215)_L02	70	0														Chưa xếp lịch
100	QUM222	2	Quản lý chất lượng(215)_L01	70	0	21/12-03/04/16												7,8,9	3A404

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV ĐK	Số SV ĐK	Thời gian	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ngành
							Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	
101	QUM222	2	Quản lý chất lượng(215)_L02	70	0	21/12-03/04/16			1,2,3	3B304									
102	EUH321	2	Quản lý chất thải nguy hại(215)_L02	65	0														Chưa xếp lịch
103	EUH321	2	Quản lý chất thải nguy hại(215)_L03	65	0														Chưa xếp lịch
104	EMA221	3	Quản lý môi trường(215)_L01	65	0	21/12-03/04/16							4,5	3A104					
																	4,5	3A104	
105	EMA221	3	Quản lý môi trường(215)_L02	65	0	21/12-03/04/16							10,11	3A304					
																	10,11	3A302	
106	IMN331	3	Quản lý tổng hợp tài nguyên và môi trường(215)_L01	65	0														Chưa xếp lịch
107	IMN331	3	Quản lý tổng hợp tài nguyên và môi trường(215)_L02	65	0														Chưa xếp lịch
108	KJH331	3	Quy hoạch du lịch(215)_L01	50	0	21/12-03/04/16	10,11	3A402											
															1,2	3A102			
109	GIT421	2	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội(215)_L01	65	0														Chưa xếp lịch
110	GIT421	2	Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội(215)_L02	65	0														Chưa xếp lịch
111	EON331	3	Quy hoạch và chính sách sử dụng đất(215)_L01	65	0														Chưa xếp lịch
112	EON331	3	Quy hoạch và chính sách sử dụng đất(215)_L02	65	0														Chưa xếp lịch
113	QAT322	2	Quy hoạch vùng và Tổ chức lãnh thổ(215)_L03	50	0	21/12-03/04/16									7,8,9	3A301			
114	LSB232	3	Sản phẩm và dịch vụ thông tin(215)_L01	50	0	21/12-03/04/16			4,5	3A502									
															4,5	3A402			

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ngành
							Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	
115	ECO231	4	Sinh thái học(215)_L01	70	0														Chưa xếp lịch
116	PBA221	3	Tài chính công(215)_L01	70	0	21/12-03/04/16					7,8	3A502					10,11	3A502	
117	PBA221	3	Tài chính công(215)_L02	70	0	21/12-03/04/16			10,11	3A502									
118	ICP321	2	Thanh toán và tín dụng quốc tế(215)_L01	50	0	21/12-03/04/16											7,8,9	3A402	
119	DAP331	3	Thiết kế và trình bày báo in(215)_L01	70	0	21/12-03/04/16			7,8	3A404									
120	DAP331	3	Thiết kế và trình bày báo in(215)_L02	70	0	21/12-03/04/16	2,3	3B403									9,10	3B101	
121	PGP321	2	Thực hành vật lý chất rắn(215)_L01	50	0														Chưa xếp lịch
122	LIP241	4	Thực tập(215)_L01_Thư viện	50	0														Chưa xếp lịch
123	PTT322	2	Thực tập hóa công nghệ(215)_L01	200	0														Chưa xếp lịch
124	PPC421	3	Thực tập hóa lý(215)_L01	200	0														Chưa xếp lịch
125	PAC421	3	Thực tập hóa phân tích(215)_L02	200	0														Chưa xếp lịch
126	PAC421	3	Thực tập hóa phân tích(215)_L03	200	0														Chưa xếp lịch
127	PBI421	2	Thực tập thiên nhiên(215)_L01	70	0														Chưa xếp lịch
128	RET321	2	Thực tế(215)_L01_VL	50	0														Chưa xếp lịch

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV ĐK	Số SV ĐK	Thời gian	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ngành
							Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	
129	VIS422	2	Thực tế chuyên môn 2(215)_L01_VNH	200	0														Chưa xếp lịch
130	SOW433	3	Thực tế chuyên môn 2(215)_L01_Báo chí	200	0														Chưa xếp lịch
131	VIS422	2	Thực tế chuyên môn 2(215)_Luật K11	250	0														Chưa xếp lịch
132	YER321	2	Thực tế chuyên môn 2 (Văn học)(215)_L01	200	0														Chưa xếp lịch
133	PMN422	2	Thực tế chuyên môn QL 2(215)_L01	200	0														Chưa xếp lịch
134	PRH321	2	Thực tế chuyên ngành lịch sử Việt Nam(215)_L01	70	0														Chưa xếp lịch
135	EFD341	4	Tiếng Anh chuyên ngành Địa lý(215)_L01	50	0	21/12-03/04/16					10,11	3A301							
													7,8,9	3A502					
136	EFE341	4	Tiếng Anh chuyên ngành MT(215)_L02	65	0	21/12-03/04/16			1,2,3	3A204									
											10,11	3A302							
137	EFE341	4	Tiếng Anh chuyên ngành MT(215)_L03	65	0	21/12-03/04/16			10,11	3A302									
																	7,8,9	3A302	
138	IAC221	2	Tin học ứng dụng trong hóa học(215)_L01	80	0	21/12-03/04/16					10,11	3A103							
139	LIG331	3	Tín ngưỡng dân gian Việt Nam(215)_L01	50	0	21/12-03/04/16	8,9	3A403											
																	10,11	3A402	
140	LIS431	3	Tổ chức quản lý các TB dùng chung(215)_L01	50	0	21/12-03/04/16					10,11	3A402							
																	7,8	3A403	
141	NEF225	2	Tổ chức sự kiện(215)_L01	70	0														Chưa xếp lịch



STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV ĐK	Số SV ĐK	Thời gian	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ngành
							Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	
142	NEF225	2	Tổ chức sự kiện(215)_L02	70	0														Chưa xếp lịch
143	LOH321	3	Toán tử tuyến tính trong không gian Hilbert(215)_L01	65	0	21/12-03/04/16			4,5	3A301					7,8	3A102			
144	LSB221	2	Tra cứu thông tin trong hoạt động TTTV(215)_L01	50	0	21/12-03/04/16									1,2,3	3A402			
145	HPW321	2	Tư pháp quốc tế(215)_L01	110	0														Chưa xếp lịch
146	HPW321	2	Tư pháp quốc tế(215)_L02	110	0														Chưa xếp lịch
147	HCM121	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(215)_L05	80	0	21/12-03/04/16							3,4,5	3B101					
148	HCM121	2	Tư tưởng Hồ Chí Minh(215)_L06	80	0	21/12-03/04/16											3,4,5	3B103	
149	IBS221	2	Ứng dụng tin trong sinh học(215)_L01	70	0	21/12-03/04/16									10,11	3A204			
150	IBS221	2	Ứng dụng tin trong sinh học(215)_L02	70	0	21/12-03/04/16			10,11	3A103									
151	CAC331	3	Văn hóa ẩm thực(215)_L01	50	0	21/12-03/04/16	8,9	3A402							10,11	3A402			
152	VIS331	3	Văn hóa VN trong bối cảnh ĐNA(215)_L01	50	0														Chưa xếp lịch
153	VIL332	3	Văn học cổ Hy Lạp- Phục hưng phương Tây(215)_L01	75	0	21/12-03/04/16			7,8	3A401					7,8	3A401			
154	VIL324	3	Văn học Nga(215)_L02	75	0														Chưa xếp lịch
155	GRA321	4	Văn học Việt Nam 1900 - 1945(215)_L01	75	0	21/12-03/04/16	7,8	3B103											
									9,10,11	3A401									

VĂN
HỌC
HỌC
TÀI NGUYÊN

STT	Mã học phần	Số TC	Lớp môn tín chỉ	Số SV DK	Số SV ĐK	Thời gian	Thứ 2		Thứ 3		Thứ 4		Thứ 5		Thứ 6		Thứ 7		Ngành
							Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	Tiết học	Giảng đường	
156	SSP331	3	Vật lý chất rắn 1(215)_L01	50	0	21/12-03/04/16			10,11	3A104									
															10,11	3A302			
157	PHY331	3	Vật lý và linh kiện bán dẫn(215)_L01	50	0	21/12-03/04/16	8,9	3A401											
											10,11	3A304							
158	VIR221	2	Virus học(215)_L01	90	0	21/12-03/04/16					1,2,3	3B102							
159	ADP221	2	Xác suất nâng cao(215)_L01	50	0	21/12-03/04/16			9,10,11	3A102									
160	ADP221	2	Xác suất nâng cao(215)_L02	50	0	21/12-03/04/16							9,10,11	3A301					
161	PRS131	3	Xác suất thống kê(215)_L04	65	0	21/12-03/04/16							10,11	3A502					
															10,11	3A301			
162	LAP331	3	Xử lý nội dung tài liệu II(215)_L01	50	0	21/12-03/04/16											9,10,11	3A403	

GHI CHÚ:

- Các môn thực tập, thực tế; giờ thực hành, thí nghiệm các Khoa/Bộ môn lập kế hoạch và gửi các Phòng chức năng;
- Đề nghị các Khoa/ Bộ môn gửi cho phòng đào tạo tên giảng viên dạy các lớp học phần theo mẫu (file đính kèm) trước ngày 18/12/2015.
- Nếu khoa/ bộ môn nào có đề nghị chỉnh sửa thời khóa biểu này vui lòng liên hệ với phòng Đào tạo trước 15h ngày 14/12/2015.

Nơi nhận:

- BGH (b/c);
- Các Khoa/BM;
- Các phòng chức năng;
- Edocman;
- Website;
- Lưu: VT, ĐT.

TL. HIỆU TRƯỞNG
 KT. TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO
 PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
 TRƯỞNG
 ĐẠI HỌC
 KHOA HỌC
 Th.S Phạm Minh Tân